

**PHÂN CẤP NGUỒN THU, TỶ LỆ PHẦN TRĂM PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA CÁC CẤP NGÂN SÁCH
THUỘC TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU THỜI KỲ ỔN ĐỊNH NGÂN SÁCH GIAI ĐOẠN 2017-2020**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu)

STT	Tên khoản thu	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
				Ngân sách xã, thị trấn	Ngân sách phường
A	B	1	2	3	4
I	Các khoản thu mỗi cấp ngân sách (tỉnh, huyện, xã) được hưởng 100%				
1	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán	100%			
2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
2.1	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ cá nhân kinh doanh			100%	100%
2.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu trên địa bàn huyện Côn Đảo		100%		
2.3	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ các đối tượng còn lại : nông trường, hợp tác xã ... trên địa bàn cấp huyện còn lại	100%			
3	Lệ phí trước bạ				
3.1	Lệ phí trước bạ nhà, đất phát sinh trên địa bàn xã, thị trấn			100%	
3.2	Lệ phí trước bạ nhà, đất phát sinh trên địa bàn phường		100%		
3.3	Lệ phí trước bạ khác		100%		
4	Tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước, nhà ở tái định cư (bao gồm cả đất), cơ sở nhà đất thuộc sở hữu nhà nước				
4.1	Trường hợp có cơ chế riêng thì thực hiện theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền	Tỷ lệ điều tiết thực hiện theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền			
4.2	Tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước, nhà ở tái định cư (bao gồm cả đất), cơ sở nhà đất thuộc sở hữu nhà nước còn lại	100%			
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			100%	100%
6	Lệ phí môn bài				
6.1	Lệ phí môn bài thu từ đơn vị sự nghiệp công lập (không bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cổ phần hóa)				
	- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp tỉnh quản lý	100%			
	- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện quản lý		100%		

STT	Tên khoản thu	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
				Ngân sách xã, thị trấn	Ngân sách phường
A	B	1	2	3	4
6.2	Lệ phí môn bài thu từ doanh nghiệp; doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập cổ phần hóa chuyển từ thành phần kinh tế nhà nước sang thành phần kinh tế ngoài quốc doanh (gọi tắt là doanh nghiệp cổ phần hóa); cá nhân kinh doanh				
6.2.1	Lệ phí môn bài thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp nhà nước				
	- Địa bàn huyện Côn Đảo		100%		
	- Địa bàn cấp huyện còn lại	100%			
6.2.2	Lệ phí môn bài thu từ doanh nghiệp khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh				
6.2.2.1	Lệ phí môn bài thu từ doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập cổ phần hóa chuyển từ thành phần kinh tế nhà nước sang thành phần kinh tế ngoài quốc doanh (gọi tắt là doanh nghiệp cổ phần hóa)				
	- Địa bàn huyện Côn Đảo		100%		
	- Địa bàn cấp huyện còn lại	100%			
6.2.2.2	Lệ phí môn bài thu từ doanh nghiệp khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh (không bao gồm doanh nghiệp cổ phần hóa)				
6.2.2.2.1	Lệ phí môn bài thu từ doanh nghiệp khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh (không bao gồm doanh nghiệp cổ phần hóa) do Cục thuế tỉnh trực tiếp thu				
	- Địa bàn huyện Côn Đảo		100%		
	- Địa bàn thành phố Vũng Tàu		100%		
	- Địa bàn huyện Tân Thành		100%		
	- Địa bàn cấp huyện còn lại	100%			
6.2.2.2.2	Lệ phí môn bài thu từ doanh nghiệp khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh (không bao gồm doanh nghiệp cổ phần hóa) do Chi Cục thuế cấp huyện trực tiếp thu		100%		
6.2.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân kinh doanh				
	- Địa bàn huyện Côn Đảo		100%		
	- Địa bàn cấp huyện còn lại			100%	100%
7	Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của nhà nước do Ủy ban nhân tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu	100%			
8	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	100%			

STT	Tên khoản thu	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
				Ngân sách xã, thị trấn	Ngân sách phường
A	B	1	2	3	4
9	Các khoản phí, lệ phí phần nộp ngân sách theo quy định (không bao gồm lệ phí trước bạ, lệ phí môn bài)				
	Đơn vị cấp tỉnh quản lý và tổ chức thu	100%			
	Đơn vị cấp huyện quản lý và tổ chức thu		100%		
	Đơn vị cấp xã quản lý và tổ chức thu			100%	100%
10	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác			100%	100%
11	Thu sự nghiệp, phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật				
	Đơn vị cấp tỉnh quản lý và tổ chức thu	100%			
	Đơn vị cấp huyện quản lý và tổ chức thu		100%		
	Đơn vị cấp xã quản lý và tổ chức thu			100%	100%
12	Thu huy động, đóng góp của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật				
	- Cấp tỉnh huy động	100%			
	- Cấp huyện huy động		100%		
	- Cấp xã huy động			100%	100%
13	Huy động đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng theo quy định tại khoản 6, Điều 7, Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13	100%			
14	Thu xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước địa phương quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu				
	Cơ quan nhà nước cấp tỉnh ra quyết định	100%			
	Cơ quan nhà nước cấp huyện ra quyết định		100%		
	Cơ quan nhà nước cấp xã ra quyết định			100%	100%
15	Thu kết dư				
	Ngân sách cấp tỉnh	100%			
	Ngân sách cấp huyện		100%		
	Ngân sách cấp xã			100%	100%
16	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên				
	Bổ sung từ ngân sách Trung ương	100%			
	Bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh		100%		
	Bổ sung từ ngân sách cấp huyện			100%	100%
17	Thu chuyển nguồn ngân sách từ ngân sách năm trước sang ngân sách năm sau				
	Ngân sách cấp tỉnh	100%			
	Ngân sách cấp huyện		100%		
	Ngân sách cấp xã			100%	100%

STT	Tên khoản thu	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
				Ngân sách xã, thị trấn	Ngân sách phường
A	B	1	2	3	4
18	Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài				
	Viện trợ cho cấp tỉnh	100%			
	Viện trợ cho cấp huyện		100%		
	Viện trợ cho cấp xã			100%	100%
19	Thu khác ngân sách theo quy định của pháp luật				
19.1	Trường hợp có văn bản hướng dẫn riêng của cơ quan có thẩm quyền thì thực hiện theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền	Tỷ lệ điều tiết thực hiện theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền			
19.2	Thu khác ngân sách theo quy định của pháp luật còn lại				
	Cấp tỉnh quyết định	100%			
	Cấp huyện quyết định		100%		
	Cấp xã quyết định			100%	100%
20	Thu tiền sử dụng khu vực biển (phần NSDP được hưởng theo quy định)	100%			
21	Thuế bảo vệ môi trường	100% phần NSTW điều tiết cho NSDP			
22	Thu cấp quyền khai thác tài nguyên nước (phần NSDP được hưởng theo quy định)	100%			
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa các cấp ngân sách địa phương				
1	Thuế giá trị gia tăng (GTGT) không kể thuế GTGT hàng hóa nhập khẩu, thuế GTGT thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, hoạt động xổ số điện toán				
1.1	Thuế GTGT thu từ đơn vị sự nghiệp công lập (không bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cổ phần hóa)				
	- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp tỉnh quản lý	100%			
	- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện quản lý		100%		
1.2	Thuế GTGT thu từ doanh nghiệp; doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập cổ phần hóa chuyển từ thành phần kinh tế nhà nước sang thành phần kinh tế ngoài quốc doanh (gọi tắt là doanh nghiệp cổ phần hóa); cá nhân kinh doanh				
1.2.1	Thuế GTGT thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp nhà nước				
1.2.1.1	Thuế GTGT từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp nhà nước có trụ sở chính nằm ngoài địa bàn tỉnh có hoạt động kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng và chuyển nhượng bất động sản trên địa bàn tỉnh (gọi tắt là doanh nghiệp vắng lai)		100% phần NSTW điều tiết cho NSDP		

STT	Tên khoản thu	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
				Ngân sách xã, thị trấn	Ngân sách phường
A	B	1	2	3	4
1.2.1.2	Thuế GTGT thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp nhà nước (không bao gồm doanh nghiệp vắng lai)				
	- Địa bàn huyện Côn Đảo		100% phần NSTW điều tiết cho NSĐP		
	- Địa bàn cấp huyện còn lại	100% phần NSTW điều tiết cho NSĐP			
1.2.2	Thuế GTGT thu từ doanh nghiệp khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh				
1.2.2.1	Thuế GTGT thu từ doanh nghiệp khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh có trụ sở chính nằm ngoài địa bàn bàn tỉnh có hoạt động kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng và chuyển nhượng bất động sản trên địa bàn tỉnh (gọi tắt là doanh nghiệp vắng lai)		100% phần NSTW điều tiết cho NSĐP		
1.2.2.2	Thuế GTGT thu từ doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập cổ phần hóa chuyển từ thành phần kinh tế nhà nước sang thành phần kinh tế ngoài quốc doanh (gọi tắt là doanh nghiệp cổ phần hóa)				
	- Địa bàn huyện Côn Đảo		100% phần NSTW điều tiết cho NSĐP		
	- Địa bàn cấp huyện còn lại	100% phần NSTW điều tiết cho NSĐP			
1.2.2.3	Thuế GTGT thu từ doanh nghiệp khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh còn lại (không bao gồm doanh nghiệp vắng lai và doanh nghiệp cổ phần hóa)				
1.2.2.3.1	Thuế GTGT thu từ doanh nghiệp khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh còn lại (không bao gồm doanh nghiệp vắng lai và doanh nghiệp cổ phần hóa) do Cục thuế tỉnh trực tiếp thu				

STT	Tên khoản thu	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
				Ngân sách xã, thị trấn	Ngân sách phường
A	B	1	2	3	4
	- Địa bàn thành phố Vũng Tàu	67% phần NSTW điều tiết cho NSDP	33% phần NSTW điều tiết cho NSDP		
	- Địa bàn huyện Tân Thành	64% phần NSTW điều tiết cho NSDP	36% phần NSTW điều tiết cho NSDP		
	- Địa bàn cấp huyện còn lại	100% phần NSTW điều tiết cho NSDP			
1.2.2.3.2	Thuế GTGT thu từ doanh nghiệp khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh còn lại (không bao gồm doanh nghiệp vắng lai và doanh nghiệp cổ phần hóa) do Chi Cục thuế cấp huyện trực tiếp thu		100% phần NSTW điều tiết cho NSDP		
1.2.3	Thuế GTGT thu từ cá nhân kinh doanh				
1.2.3.1	Trên địa bàn huyện Châu Đức:				
	- Đối với địa bàn xã Kim Long		80% phần NSTW điều tiết cho NSDP	20% phần NSTW điều tiết cho NSDP	
	- Đối với địa bàn thị trấn Ngãi Giao		50% phần NSTW điều tiết cho NSDP	50% phần NSTW điều tiết cho NSDP	
	- Đối với địa bàn các xã còn lại			100% phần NSTW điều tiết cho NSDP	
1.2.3.2	Trên địa bàn thành phố Bà Rịa				

STT	Tên khoản thu	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
				Ngân sách xã, thị trấn	Ngân sách phường
A	B	1	2	3	4
	- Đối với địa bàn phường Phước Trung		94% phần NSTW điều tiết cho NSDP		6% phần NSTW điều tiết cho NSDP
	- Đối với địa bàn các phường còn lại		70% phần NSTW điều tiết cho NSDP		30% phần NSTW điều tiết cho NSDP
	- Đối với địa bàn các xã		50% phần NSTW điều tiết cho NSDP	50% phần NSTW điều tiết cho NSDP	
1.2.3.3	Trên địa bàn thành phố Vũng Tàu				
	- Đối với địa bàn các phường		50% phần NSTW điều tiết cho NSDP		50% phần NSTW điều tiết cho NSDP
	- Đối với địa bàn xã Long Sơn			100% phần NSTW điều tiết cho NSDP	
1.2.3.4	Trên địa bàn huyện Côn Đảo		100% phần NSTW điều tiết cho NSDP		
1.2.3.5	Địa bàn cấp huyện còn lại		50% phần NSTW điều tiết cho NSDP	50% phần NSTW điều tiết cho NSDP	
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) không kể thuế TNDN hàng hóa nhập khẩu, thuế TNDN thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, hoạt động xổ số điện toán				
2.1	Thuế TNDN thu từ đơn vị sự nghiệp công lập (không bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cổ phần hóa)				

STT	Tên khoản thu	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
				Ngân sách xã, thị trấn	Ngân sách phường
A	B	1	2	3	4
	- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp tỉnh quản lý	100%			
	- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện quản lý		100%		
2.2.	Thuế TNDN thu từ doanh nghiệp; doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập cổ phần hóa chuyển từ thành phần kinh tế nhà nước sang thành phần kinh tế ngoài quốc doanh (gọi tắt là doanh nghiệp cổ phần hóa)				
2.2.1	Thuế TNDN thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp nhà nước				
2.2.1.1	Thuế TNDN thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp nhà nước có trụ sở chính ngoài tỉnh có hoạt động chuyển nhượng bất động sản trên địa bàn tỉnh (gọi tắt là doanh nghiệp vắng lai)		100% phần NSTW điều tiết cho NSDP		
2.2.1.2	Thuế TNDN thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp nhà nước (không bao gồm doanh nghiệp vắng lai)				
	- Địa bàn huyện Côn Đảo		100% phần NSTW điều tiết cho NSDP		
	- Địa bàn cấp huyện còn lại	100% phần NSTW điều tiết cho NSDP			
2.2.2.	Thuế TNDN thu từ doanh nghiệp khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh				
2.2.2.1	Thuế TNDN thu từ doanh nghiệp khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh có trụ sở chính ngoài tỉnh có hoạt động chuyển nhượng bất động sản trên địa bàn tỉnh (gọi tắt là doanh nghiệp vắng lai)		100% phần NSTW điều tiết cho NSDP		
2.2.2.2	Thuế TNDN thu từ doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập cổ phần hóa chuyển từ thành phần kinh tế nhà nước sang thành phần kinh tế ngoài quốc doanh (gọi tắt là doanh nghiệp cổ phần hóa)				
	- Địa bàn huyện Côn Đảo		100% phần NSTW điều tiết cho NSDP		

STT	Tên khoản thu	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
				Ngân sách xã, thị trấn	Ngân sách phường
A	B	1	2	3	4
	- Địa bàn cấp huyện còn lại	100% phần NSTW điều tiết cho NSDP			
2.2.2.3	Thuế TNDN thu từ doanh nghiệp khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh còn lại (không bao gồm doanh nghiệp vắng lai và doanh nghiệp cổ phần hóa)				
2.2.2.3.1	Thuế TNDN thu từ doanh nghiệp khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh còn lại (không bao gồm doanh nghiệp vắng lai và doanh nghiệp cổ phần hóa) do Cục thuế tỉnh trực tiếp thu				
	- Địa bàn thành phố Vũng Tàu	67% phần NSTW điều tiết cho NSDP	33% phần NSTW điều tiết cho NSDP		
	- Địa bàn huyện Tân Thành	64% phần NSTW điều tiết cho NSDP	36% phần NSTW điều tiết cho NSDP		
	- Địa bàn cấp huyện còn lại	100% phần NSTW điều tiết cho NSDP			
2.2.2.3.2	Thuế TNDN thu từ doanh nghiệp khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh còn lại (không bao gồm doanh nghiệp vắng lai và doanh nghiệp cổ phần hóa) do Chi Cục thuế cấp huyện trực tiếp thu		100% phần NSTW điều tiết cho NSDP		
3	Thuế TTĐB thu từ hàng hóa dịch vụ trong nước (không kể thuế TTĐB thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, hoạt động xổ số điện toán)				
3.1	Thuế TTĐB thu từ đơn vị sự nghiệp công lập (không bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cổ phần hóa)				
	- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp tỉnh quản lý	100%			
	- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện quản lý		100%		

STT	Tên khoản thu	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
				Ngân sách xã, thị trấn	Ngân sách phường
A	B	1	2	3	4
3.2	Thuế TTĐB thu từ doanh nghiệp; doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập cổ phần hóa chuyển từ thành phần kinh tế nhà nước sang thành phần kinh tế ngoài quốc doanh (gọi tắt là doanh nghiệp cổ phần hóa); cá nhân kinh doanh				
3.2.2	Thuế TTĐB thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp nhà nước				
	Địa bàn huyện Côn Đảo		100% phần NSTW điều tiết cho NSDP		
	- Địa bàn cấp huyện còn lại	100% phần NSTW điều tiết cho NSDP			
3.2.2	Thuế TTĐB thu từ doanh nghiệp khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh				
3.2.2.1	Thuế TTĐB thu từ doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập cổ phần hóa chuyển từ thành phần kinh tế nhà nước sang thành phần kinh tế ngoài quốc doanh (gọi tắt là doanh nghiệp cổ phần hóa)				
	- Địa bàn huyện Côn Đảo		100% phần NSTW điều tiết cho NSDP		
	- Địa bàn cấp huyện còn lại	100% phần NSTW điều tiết cho NSDP			
3.2.2.2	Thuế TTĐB thu từ doanh nghiệp khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh còn lại (không bao gồm doanh nghiệp cổ phần hóa)				
3.2.2.2.1	Thuế TTĐB thu từ doanh nghiệp khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh còn lại (không bao gồm doanh nghiệp cổ phần hóa) do Cục thuế tỉnh trực tiếp thu				
	- Địa bàn thành phố Vũng Tàu	67% phần NSTW điều tiết cho NSDP	33% phần NSTW điều tiết cho NSDP		

STT	Tên khoản thu	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
				Ngân sách xã, thị trấn	Ngân sách phường
A	B	1	2	3	4
	- Địa bàn huyện Tân Thành	64% phần NSTW điều tiết cho NSDP	36% phần NSTW điều tiết cho NSDP		
	- Địa bàn cấp huyện còn lại	100% phần NSTW điều tiết cho NSDP			
3.2.2.2.2	Thuế TTĐB thu từ doanh nghiệp khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh còn lại (không bao gồm doanh nghiệp cổ phần hóa) do Chi Cục thuế cấp huyện trực tiếp thu		100% phần NSTW điều tiết cho NSDP		
3.2.3	Thuế TTĐB thu từ cá nhân kinh doanh				
	- Địa bàn huyện Côn Đảo		100% phần NSTW điều tiết cho NSDP		
	- Địa bàn thành phố Vũng Tàu		50% phần NSTW điều tiết cho NSDP		50% phần NSTW điều tiết cho NSDP
	- Địa bàn cấp huyện còn lại		50% phần NSTW điều tiết cho NSDP		50% phần NSTW điều tiết cho NSDP
4	Thuế Tài nguyên (không kể tài nguyên thu từ các hoạt động dầu, khí)				
4.1	Thuế tài nguyên thu từ đơn vị sự nghiệp công lập (không bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cổ phần hóa)				
	- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp tỉnh quản lý	100%			
	- Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện quản lý		100%		
4.2	Thuế tài nguyên thu từ doanh nghiệp; doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập cổ phần hóa chuyển từ thành phần kinh tế nhà nước sang thành phần kinh tế ngoài quốc doanh (gọi tắt là doanh nghiệp cổ phần hóa); cá nhân kinh doanh				

STT	Tên khoản thu	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
				Ngân sách xã, thị trấn	Ngân sách phường
A	B	1	2	3	4
4.2.1	Thuế Tài nguyên thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp nhà nước				
	- Địa bàn huyện Côn Đảo		100%		
	- Địa bàn cấp huyện còn lại	100%			
4.2.2	Thuế Tài nguyên thu từ các doanh nghiệp khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh				
4.2.2.1	Thuế Tài nguyên thu từ các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập cổ phần hóa chuyển từ thành phần kinh tế nhà nước sang thành phần kinh tế ngoài quốc doanh (gọi tắt là doanh nghiệp cổ phần hóa)				
	- Địa bàn huyện Côn Đảo		100%		
	- Địa bàn cấp huyện còn lại	100%			
4.2.2.2	Thuế Tài nguyên từ doanh nghiệp khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh (không bao gồm doanh nghiệp cổ phần hóa)				
4.2.2.2.1	Thuế Tài nguyên từ doanh nghiệp khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh (không bao gồm doanh nghiệp cổ phần hóa) do Cục thuế tỉnh trực tiếp thu				
	- Địa bàn huyện Côn Đảo		100%		
	- Địa bàn thành phố Vũng Tàu		100%		
	- Địa bàn huyện Tân Thành		100%		
	- Địa bàn cấp huyện còn lại	100%			
4.2.2.2.2	Thuế Tài nguyên từ doanh nghiệp khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh (không bao gồm doanh nghiệp cổ phần hóa) do Chi Cục thuế cấp huyện trực tiếp thu		100%		
4.2.3	Thuế tài nguyên thu từ cá nhân kinh doanh				
	- Địa bàn huyện Côn Đảo		100%		
	- Địa bàn cấp huyện còn lại		50%	50%	50%
5	Thuế thu nhập cá nhân				
	- Thuế thu nhập cá nhân (không bao gồm thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công) do Chi Cục thuế cấp huyện trực tiếp thu		100% phần NSTW điều tiết cho NSĐP		
	- Thuế thu nhập cá nhân còn lại	100% phần NSTW điều tiết cho NSĐP			

STT	Tên khoản thu	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
				Ngân sách xã, thị trấn	Ngân sách phường
A	B	1	2	3	4
6	Tiền sử dụng đất				
6.1	Tiền sử dụng đất thu từ các dự án có cơ chế riêng (như dự án thực hiện theo cơ chế nhà nước thanh toán bằng quỹ đất cho nhà đầu tư, qua thực hiện công tác đấu giá, thực hiện cam kết của cơ quan nhà nước có thẩm quyền với nhà đầu tư ...) hoặc các dự án có ảnh hưởng lớn đến cân đối thu-chi NSĐP thì được thực hiện riêng theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền	Tỷ lệ điều tiết thực hiện theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền			
6.2	Tiền sử dụng đất còn lại (không bao gồm tiền sử dụng đất thu từ các dự án có cơ chế riêng (như dự án thực hiện theo cơ chế nhà nước thanh toán bằng quỹ đất cho nhà đầu tư, qua thực hiện công tác đấu giá, thực hiện cam kết của cơ quan nhà nước có thẩm quyền với nhà đầu tư ...) hoặc các dự án có ảnh hưởng lớn đến cân đối thu-chi NSĐP)				
	- Địa bàn huyện Côn Đảo		100%		
	- Địa bàn cấp huyện còn lại	50%	50%		
7	Tiền thuê đất, thuê mặt nước				
7.1	Tiền thuê đất thu từ các dự án thực hiện theo cơ chế riêng (như dự án thực hiện theo cơ chế nhà nước thanh toán bằng quỹ đất cho nhà đầu tư, qua thực hiện công tác đấu giá, thực hiện cam kết của cơ quan nhà nước có thẩm quyền với nhà đầu tư ...) hoặc các dự án có ảnh hưởng lớn đến cân đối thu-chi NSĐP thì được thực hiện riêng theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền	Tỷ lệ điều tiết thực hiện theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền			
7.2	Tiền thuê đất còn lại (không bao gồm tiền thuê đất thu từ các dự án thực hiện theo cơ chế riêng (như dự án thực hiện theo cơ chế nhà nước thanh toán bằng quỹ đất cho nhà đầu tư, qua thực hiện công tác đấu giá, thực hiện cam kết của cơ quan nhà nước có thẩm quyền với nhà đầu tư ...) hoặc các dự án có ảnh hưởng lớn đến cân đối thu-chi NSĐP)), tiền thuê mặt nước				
7.2.1	Trong khu công nghiệp, khu chế xuất	100%			
7.2.2	Ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất				
	- Địa bàn huyện Côn Đảo		100%		
	- Địa bàn cấp huyện còn lại	50%	50%		
8	Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản				
8.1	Giấy phép do Trung ương cấp	100% phần NSTW điều tiết cho NSĐP			
8.2	Giấy phép do UBND tỉnh cấp				

STT	Tên khoản thu	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
				Ngân sách xã, thị trấn	Ngân sách phường
A	B	1	2	3	4
	- Địa bàn huyện Côn Đảo		100%		
	- Địa bàn cấp huyện còn lại	70%	30%		
9	Tiền chậm nộp tiền thuế				
9.1	Tiền chậm nộp tiền thuế (không bao gồm tiền chậm nộp tiền sử dụng đất; tiền chậm nộp tiền thuê đất, thuê mặt nước)				
9.1.1	Tiền chậm nộp tiền thuế thu từ các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp nhà nước				
	- Địa bàn huyện Côn Đảo		100%		
	- Địa bàn cấp huyện còn lại	100%			
9.1.2	Tiền chậm nộp tiền thuế thu từ các doanh nghiệp khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh				
9.1.2.1	Tiền chậm nộp tiền thuế thu từ các doanh nghiệp khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh do Cục thuế tỉnh trực tiếp thu				
	- Địa bàn huyện Côn Đảo		100%		
	- Địa bàn cấp huyện còn lại	100%			
9.1.2.2	Tiền chậm nộp tiền thuế thu từ các doanh nghiệp khu vực công thương nghiệp, dịch vụ ngoài quốc doanh do Chi Cục thuế cấp huyện trực tiếp thu		100%		
9.1.3	Tiền chậm nộp tiền thuế thu từ cá nhân kinh doanh		100%		
9.2	Tiền chậm nộp tiền sử dụng đất				
9.2.1	Tiền chậm nộp tiền sử dụng đất thu từ các dự án có cơ chế riêng (như dự án thực hiện theo cơ chế nhà nước thanh toán bằng quỹ đất cho nhà đầu tư, qua thực hiện công tác đấu giá, thực hiện cam kết của cơ quan nhà nước có thẩm quyền với nhà đầu tư ...) hoặc các dự án có ảnh hưởng lớn đến cân đối thu-chi NSDP thì được thực hiện riêng theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền	Tỷ lệ điều tiết thực hiện theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền			
9.2.2	Tiền chậm nộp tiền sử dụng đất còn lại (không bao gồm tiền chậm nộp tiền sử dụng đất thu từ các dự án có cơ chế riêng (như dự án thực hiện theo cơ chế nhà nước thanh toán bằng quỹ đất cho nhà đầu tư, qua thực hiện công tác đấu giá, thực hiện cam kết của cơ quan nhà nước có thẩm quyền với nhà đầu tư ...) hoặc các dự án có ảnh hưởng lớn đến cân đối thu-chi NSDP)				
	- Địa bàn huyện Côn Đảo		100%		
	- Địa bàn cấp huyện còn lại	50%	50%		
9.3	Tiền chậm nộp tiền thuê đất, thuê mặt nước				

STT	Tên khoản thu	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã	
				Ngân sách xã, thị trấn	Ngân sách phường
A	B	1	2	3	4
9.3.1	Tiền chậm nộp tiền thuê đất thu từ các dự án thực hiện theo cơ chế riêng (như dự án thực hiện theo cơ chế nhà nước thanh toán bằng quỹ đất cho nhà đầu tư, qua thực hiện công tác đấu giá, thực hiện cam kết của cơ quan nhà nước có thẩm quyền với nhà đầu tư ...) thì được thực hiện riêng theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền	Tỷ lệ điều tiết thực hiện theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền			
9.3.2	Tiền chậm nộp tiền thuê đất còn lại (không bao gồm tiền chậm nộp tiền thuê đất thu từ các dự án thực hiện theo cơ chế riêng (như dự án thực hiện theo cơ chế nhà nước thanh toán bằng quỹ đất cho nhà đầu tư, qua thực hiện công tác đấu giá, thực hiện cam kết của cơ quan nhà nước có thẩm quyền với nhà đầu tư ...)), tiền chậm nộp tiền thuê mặt nước				
9.3.2.1	Trong khu công nghiệp, khu chế xuất	100%			
9.3.2.2	Ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất				
	- Địa bàn huyện Côn Đảo		100%		
	- Địa bàn cấp huyện còn lại	50%	50%		

(Handwritten signature)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Handwritten signature)



Nguyễn Thành Long